

Số: ~~1078~~ /SYT-TTKN  
V/v điều tiết số lượng thuốc phân bổ  
đợt 11

Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị khám, chữa bệnh

Sở Y tế ban hành các Quyết định số 1338/QĐ-SYT ngày 14/11/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019-2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 90/QĐ-SYT ngày 30/01/2020 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

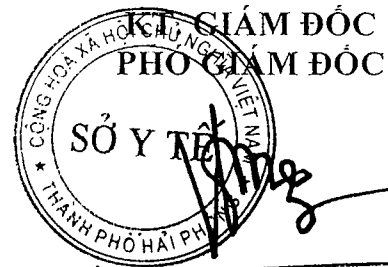
Sở Y tế ban hành các Công văn số 3150/SYT-TTKN ngày 18/11/2019 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2019 – 2020; số 316/SYT-TTKN ngày 07/02/2020 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu gói thầu mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc); và các Công văn về việc điều tiết số lượng thuốc phân bổ từ đợt 1 ngày 06/12/2019 đến đợt 10 ngày 10/4/2020. Trong quá trình thực hiện, Sở Y tế nhận được đề nghị của các đơn vị về việc xin điều tiết số lượng thuốc đã được phân bổ. Sau khi xem xét, Sở Y tế điều tiết số lượng đã được phân bổ của các đơn vị theo đề nghị (*danh mục chi tiết đính kèm*).

Các đơn vị căn cứ danh mục điều tiết số lượng thuốc đã được phân bổ để tiến hành mua thuốc và thanh toán với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Sở Y tế thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./. <sup>2</sup>

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- GD SYT (để báo cáo);
- BHXH TP, Kho bạc NNHP (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử Sở Y tế Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN. \*



Nguyễn Tiên Sơn



# BIÊN BẢN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020

Gợi thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuốc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Biên bản theo Công văn số 1078/SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hải An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0024	Zodalan	Midazolam	5mg	Hộp 10 ống x 1ml. Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-27704-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Ống	3	14700	A020	0	0	30	BV Ngô Quyền: 6 BV Kiến An: 24	30
2	GE0193	Noradrenalin	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg/1ml	Hộp 5 vi x 10 ống, dung dịch tiêm	36	VD-24902-16	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	ống	3	26000	A047	0	0	70	BV Ngô Quyền: 40 BV Kiến An: 30	70
3	GE0993	Vinphason	Hydrocortison (dưới dạng hydrocortison natri succinat)	100mg	Hộp 10 lọ bột đông khô pha tiêm + 10 ống dung môi alcol benzylic 0,9% 2ml, thuốc tiêm bột đông khô	24	VD-22248-15	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	lọ	3	6300	A047	0	0	150	TTYT Tiên Lãng	150
4	GE0361	Vinphacine	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	500mg/2ml	Hộp 2 vi x 5 ống; Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36	VD-28702-18	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	Ống	3	7350	A047	0	0	20	BV Phổi	20
5	GE0696	Vincardipin	Nicardipin hydroclorid	10mg/10ml	Hộp 2 vi x 5 ống x 10ml dung dịch tiêm	24	VD-32033-19	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	ống	3	84000	A047	0	0	20	BV Đại học Y	20

6	GE0692	Agidopa	Methylidopa	250mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36	VD-30201-18	CN Cty CP DP Agimexpharm - NM SX DP Agimexpharm - Việt Nam	Viên	3	577,5	A092	20.000	0	30000	TTYT Kiến Thụy	50.000
7	GE0400	Azithromycin 200	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200 mg	hộp 24 gói x 1,5g, thuốc bột pha hỗn dịch uống	36	VD-26004-16	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang Việt Nam	gói	4	1750	A007	5.000	72	0	BV tâm thần	4.928
8	GE0331	Midazolim 0,5g	Ceftizoxim (Dưới dạng Ceftizoxim natri)	0,5g	Hộp 10 lọ. Bột pha tiêm, tiêm.	36	VD-29010-18	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Lọ	3	24350	A122	6.000	250	0	BV tâm thần	5.750

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1078 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0692	Agidopa	Methyl dopa	250mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36	VD-30201-18	CN Cty CP DP Agimexpharm - NM SX DP Agimexpharm - Việt Nam	Viên	3	577,5	A092	300.000	30000	0	TTYT Hải An	270.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~1078~~ /SYT-TTKN ngày ~~16~~ tháng ~~4~~ năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0696	Vincardipin	Nicardipin hydroclorid	10mg/10ml	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 10ml dung dịch tiêm	24	VD-32033-19	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	ống	3	84000	A047	500	20	0	TTYT Hải An	480

PH

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~1078~~ /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0024	Zodalan	Midazolam	5mg	Hộp 10 ống x 1ml. Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-27704-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Ống	3	14700	A020	30	6	0	TTYT Hải An	24
2	GE0193	Noradrenalin	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg/1ml	Hộp 5 vi x 10 ống, dung dịch tiêm	36	VD-24902-16	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	ống	3	26000	A047	200	40	0	TTYT Hải An	160

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~1078~~ /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trị gói thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0400	Azithromycin 200	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200 mg	hộp 24 gói x 1,5g, thuốc bột pha hỗn dịch uống	36	VD-26004-16	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang Việt Nam	gói	4	1750	A007	0	0	72	TTYT Hải An	72
2	GE0331	Midazolam 0,5g	Ceftizoxim (Dưới dạng Ceftizoxim natri)	0,5g	Hộp 10 lọ, Bột pha tiêm, tiêm.	36	VD-29010-18	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Lọ	3	24350	A122	0	0	250	TTYT Hải An	250
3	GE0426	A.T Levofloxacin 250 inj	Levofloxacin	250mg	Hộp 1 lọ x 50 ml; Dung dịch tiêm; Tiêm	24	VD-26105-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Lọ	3	32760	A011	0	0	20	BV Phổi	20
4	GE0308	Ceraapix	Cefoperazon	1g	Hộp 1 lọ bột pha tiêm, tiêm	36	VD-20038-13	Công ty cổ phần Pymepharco	Lọ	2	41900	A054	0	0	30	BV Phổi	30
5	GE0361	Vinphacine	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	500mg/2ml	Hộp 2 vi x 5 ống; Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36	VD-28702-18	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	Ống	3	7350	A047	0	0	20	BV Phổi	20

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

**Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)**

**Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Kèm theo Công văn số ~~1078~~ /SYT-TTKN ngày ~~16~~ tháng **4** năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

**Tên đơn vị: Bệnh viện Phổi Hải Phòng**

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0308	Ceraapix	Cefoperazon	1g	Hộp 1 lọ bột pha tiêm, tiêm	36	VD-20038-13	Công ty cổ phần Pymepharco	Lọ	2	41900	A054	38000	30	0	BV tâm thần	37970
2	GE0332	Burometam 2g	Ceftriaxone	2g	Hộp 25 lọ; bột pha tiêm; tiêm truyền	36	VN-19328-15	Panpharma - Pháp	lọ	1	72500	A113	0	0	50	BV Việt Tiếp	50
3	GE0361	Vinphacine	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	500mg/2ml	Hộp 2 vi x 5 ống; Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36	VD-28702-18	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	Ống	3	7350	A047	1980	40	0	TTYT Hải An + BV Tâm thần	1940
4	GE0426	A.T Levofloxacin 250 inj	Levofloxacin	250mg	Hộp 1 lọ x 50 ml; Dung dịch tiêm; Tiêm	24	VD-26105-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Lọ	3	32760	A011	9940	20	0	BV tâm thần	9920

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~1078~~ /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0332	Burometam 2g	Ceftriaxone	2g	Hộp 25 lọ; bột pha tiêm; tiêm truyền	36	VN-19328-15	Panpharma - Pháp	lọ	I	72500	A113	23875	75	0	BV Phổi + TTYT Tiên Lãng	23.800

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THÀU NĂM 2019 - 2020**

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~1078~~ /SYT-TTKN ngày ~~16~~ tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0332	Burometam 2g	Ceftriaxone	2g	Hộp 25 lọ; bột pha tiêm; tiêm truyền	36	VN-19328-15	Panpharma - Pháp	lọ	1	72500	A113	0	0	25	BV Việt Tiệp	25
2	GE0426	A.T Levofloxacin 250 inj	Levofloxacin	250mg	Hộp 1 lọ x 50 ml; Dung dịch tiêm; Tiêm	24	VD-26105-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Lọ	3	32760	A011	0	0	20	BV Kiến An	20
3	GE0361	Vinphacine	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	500mg/2ml	Hộp 2 vi x 5 ống; Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36	VD-28702-18	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	Ống	3	7350	A047	0	0	20	BV Kiến An	20
4	GE1271	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% - 100ml	Hộp 80 chai 100ml; dung dịch tiêm truyền	36	VD-21954-14	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	3	7329	A020	0	0	150	BV Kiến An	150
5	GE0993	Vinphason	Hydrocortison (dưới dạng hydrocortison natri succinat)	100mg	Hộp 10 lọ bột đông khô pha tiêm + 10 ống dung môi alcol benzylic 0,9% 2ml, thuốc tiêm bột đông khô	24	VD-22248-15	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	lọ	3	6300	A047	1371	150	0	TTYT Hải An	1221

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

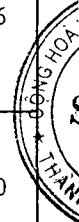
**Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 1309 lô thuốc)**

**Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Kèm theo Công văn số 1078 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

**Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa quận Kiến An**

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	GE0024	Zodalan	Midazolam	5mg	Hộp 10 ống x 1ml. Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-27704-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Ống	3	14700	A020	9.900	24	0	TTYT Hải An	9.876
2	GE0193	Noradrenalin	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg/1ml	Hộp 5 vi x 10 ống, dung dịch tiêm	36	VD-24902-16	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	ống	3	26000	A047	4.950	30	0	TTYT Hải An	4.920
3	GE0426	A.T Levofloxacin 250 inj	Levofloxacin	250mg	Hộp 1 lọ x 50 ml; Dung dịch tiêm; Tiêm	24	VD-26105-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Lọ	3	32760	A011	24.000	20	0	TTYT Tiên Lãng	23.980
4	GE0361	Vinphacine	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	500mg/2ml	Hộp 2 vi x 5 ống; Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36	VD-28702-18	CTCPDP Vĩnh Phúc, Việt Nam	Ống	3	7350	A047	10.000	20	0	TTYT Tiên Lãng	9.980
5	GE1271	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% - 100ml	Hộp 80 chai 100ml; dung dịch tiêm truyền	36	VD-21954-14	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	3	7329	A020	119.850	150	0	TTYT Tiên Lãng	119.700



**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1078 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT052	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	B	ĐBVN V	SC	1	Kg	364000	C07	0	0	10	BV YHCT	10
2	VT072	Tang ký sinh	Herba Loranthe gracilifolii	Loranthus gracilifolius Roxb.ex.Shult.f. - Loranthaceae	N	ĐBVN V	PC theo PP chung của TT30/2017/T T-BYT	1	kg	43000	C05	0	0	20	BV YHCT	20
3	VT467	Ý dĩ	Semen Coicis	Coix lachryma-jobi L. - Poaceae	B	ĐBVN V	PC (PP Sao vàng với cám)	1	kg	88600	C05	0	0	15	BV YHCT	15
4	VT554	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. - Ranunculaceae	B	ĐBVN V	PC (PP chích rượu)	1	Kg	185000	C07	0	0	15	BV YHCT	15
5	VT649	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. - Asteraceae	B	ĐBVN V	PC (PP Sao cám mật ong)	1	kg	172000	C05	0	0	22	BV YHCT	22
6	VT669	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	N	ĐBVN V	PC (PP chế biến Hoài sơn trong TT30/2017/T T-BYT)	1	Kg	110000	C07	0	0	18	BV YHCT	18
7	VT664	Đang sâm	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. - Campanulaceae	B	ĐBVN V	SC	1	kg	418700	C05	0	0	20	BV YHCT	20
8	VT595	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker-Gawl. - Asparagaceae	N	ĐBVN V	PC theo PP chung của TT30/2017/T T-BYT	1	Kg	382000	C07	0	0	4	BV Vĩnh Bảo	4

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
9	VT620	Củ tích	Rhizoma Cibotii	Cibotium barometz (L.) J. Sm. - Dicksoniaceae	N	ĐBVN V	PC (PP chích rượu)	1	Kg	92000	C07	0	0	10	BV Trẻ em	10
10	VT008	Quế chi	Ramulus Cinnamomi	Cinnamomum sp. - Lauraceae	N	ĐBVN V	SC	1	Kg	113000	C07	0	0	7	BV Hồng Đức	7
11	VT577	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopieae multiflorae	Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson Syn. Polygonum multiflorum Thumb)- Polygonaceae	N	ĐBVN V	PC (theo PP chế biến hà thủ ô đỏ trong TT30/2017/T T-BYT)	1	Kg	336000	C07	0	0	10	BV Hồng Đức	10

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

**Gói thầu:** Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc)

**Thuộc dự án:** Mua sắm vị thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

*(Kèm theo Công văn số 1078 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

**Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa Hồng Đức**

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT008	Quế chi	Ramulus Cinnamomi	Cinnamomum sp. - Lauraceae	N	ĐDVN V	SC	1	Kg	113000	C07	50,0	7	0	TTYT Tiên Lãng	43,0
2	VT577	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopieae multiflorae	Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson Syn. Polygonum multiflorum Thumb)- Polygonaceae	N	ĐDVN V	PC (theo PP chế biến hà thủ ô đỏ trong TT30/2017/TT-BYT)	1	Kg	336000	C07	200,0	10	0	TTYT Tiên Lãng	190,0

✍

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020

Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1078 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT620	Cầu tích	Rhizoma Cibotii	Cibotium barometz (L.) J. Sm. - Dicksoniaceae	N	ĐĐVN V	PC (PP chích rượu)	1	Kg	92000	C07	50	10	0	TTYT Tiên Lãng	40

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

**Gói thầu:** Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc)

**Thuộc dự án:** Mua sắm vị thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

*(Kèm theo Công văn số 1078 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

**Tên đơn vị:** Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT595	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker-Gawl. - Asparagaceae	N	ĐEVN V	PC theo PP chung của TT30/2017/TT-BYT	1	Kg	382000	C07	36,0	4	0	TTYT Tiên Lãng	32,0

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2019 - 2020**

**Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 603 lô thuốc)**

**Thuộc dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Kèm theo Công văn số 1018 /SYT-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

**Tên đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền**

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT052	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	B	ĐDVN V	SC	1	Kg	364000	C07	250,0	10	0	TTYT Tiên Lãng	240,0
2	VT072	Tang ký sinh	Herba Loranthe gracilifolii	Loranthus gracilifolius Roxb.ex.Shult.f. - Loranthaceae	N	ĐDVN V	PC theo PP chung của TT30/2017/TT-BYT	1	kg	43000	C05	240,0	20	0	TTYT Tiên Lãng	220,0
3	VT467	Ý dĩ	Semen Coicis	Coix lachryma-jobi L. - Poaceae	B	ĐDVN V	PC (PP Sao vàng với cám)	1	kg	88600	C05	320,0	15	0	TTYT Tiên Lãng	305,0
4	VT554	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. - Ranunculaceae	B	ĐDVN V	PC (PP chích rượu)	1	Kg	185000	C07	785,0	15	0	TTYT Tiên Lãng	770,0
5	VT649	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. - Asteraceae	B	ĐDVN V	PC (PP Sao cám mật ong)	1	kg	172000	C05	675,0	22	0	TTYT Tiên Lãng	653,0
6	VT669	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	N	ĐDVN V	PC (PP chế biến Hoài sơn trong TT30/2017/TT-BYT)	1	Kg	110000	C07	490,0	18	0	TTYT Tiên Lãng	472,0
7	VT664	Đảng sâm	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. - Campanulaceae	B	ĐDVN V	SC	1	kg	418700	C05	870,0	20	0	TTYT Tiên Lãng	850,0